

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VINH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2023/DS - PT

Ngày 27-3-2023

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VINH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền

Các Thẩm phán:

Bà Lê Thị Bích Ngọc

Ông Nguyễn Duy Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Phương Thao - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa:
Bà Hà Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 108/2022/TLPT – DS ngày 22 tháng 11 năm 2022 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 15/2022/DS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện B bị kháng cáo:

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2022/QĐXXPT – DS ngày 15 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Đàm Thị Hồng V, sinh năm 1958; địa chỉ: TDP T, thị trấn G, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà L, sinh năm 1982; địa chỉ: Số nhà 35, đường L, phường L1, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (Văn bản ủy quyền ngày 21/12/2021), (vắng mặt).

2. *Bị đơn:* - Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1970;

- Bà Bùi Thị B, sinh năm 1976;

Cùng địa chỉ: Thôn Thanh Lan, xã Trung Mỹ, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc. Người đại diện theo ủy quyền của bà B là ông Nguyễn Văn L (Văn bản ủy quyền ngày 10/6/2022), (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm Tiến Thảo, sinh năm 1959; TDP T, thị trấn G, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc. Người đại diện theo ủy quyền

của ông Thảo: Bà L, sinh năm 1982; địa chỉ: Số nhà 35, đường L, phường L1, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (Văn bản ủy quyền ngày 02/3/2022), (vắng mặt).

4. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn L là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện của nguyên đơn; các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà L trình bày: Khoảng thời gian từ năm 2013 đến năm 2019 bà V có bán cám gà, cám vịt, cám lợn cho ông L, bà B nhiều lần, khi giao cám ông L, bà B có ký nhận vào sổ theo dõi của bà V; khi ông L, bà B thanh toán tiền thì bà V ghi trực tiếp vào sổ để theo dõi. Từ khi mua cám; ông L, bà B đã nhiều lần thanh toán tiền cho bà V. Đến ngày 04/4/2019 hai bên chốt nợ, ông L đã ký vào sổ chốt nợ thừa nhận còn nợ bà V 105.970.000 đồng. Từ khi chốt nợ, bà V đã nhiều lần gọi điện đòi nợ nhưng ông L, bà B không trả. Do vậy, bà V khởi kiện đến Tòa án. Tại đơn khởi kiện, bà V yêu cầu bà B, ông L trả tiền nợ gốc là 105.970.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán theo quy định của pháp luật. Ngày 06/9/2021, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền lãi chậm trả. Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định chỉ yêu cầu bà B, ông L trả số tiền còn nợ là 105.970.000 đồng.

Bị đơn ông Nguyễn Văn L đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Bùi Thị B trình bày: Do gia đình ông có làm trang trại chăn nuôi nên khoảng từ năm 2014 gia đình ông có nhiều năm mua cám của bà Đàm Thị Hồng V, sinh năm 1958; Địa chỉ: TDP T, thị trấn G, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc. Do tin tưởng nhau nên giữa 2 bên không ký hợp đồng mua bán, nhưng hai bên có ký nhận việc giao cám và việc trả tiền. Có lần lấy cám gia đình ông trả tiền ngay, có lần nợ khoảng hơn 10 ngày thì thanh toán, việc trả tiền ông không có giấy tờ gì. Bà V lập sổ theo dõi, vợ chồng ông có ký vào sổ nợ của bà V, số tiền nợ cụ thể được ghi trong sổ do bà V cung cấp cho Tòa án thể hiện việc chốt nợ của vợ chồng ông là đúng và đúng chữ ký của vợ chồng ông. Ông thừa nhận chữ ký tại phần chốt nợ số tiền 105.970.000 đồng trên sổ do bà V cung cấp là chữ ký của ông. Vợ chồng ông còn nợ bà V tổng số tiền tính đến ngày 04/4/2019 là 105.970.000 đồng. Khoảng 10 ngày sau khi chốt nợ, ông đã đem tiền đến trả cho bà V, chỉ còn nợ lại bà V 27.000.000 đồng, do tin tưởng nên ông không yêu cầu bà V viết giấy nhận tiền. Nay bà V khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông phải trả bà V 105.970.000 đồng thì ông không đồng ý, ông chỉ đồng ý trả bà V 27.000.000 đồng. Khi ông trả tiền cho bà V không có giấy tờ và không có ai chứng kiến việc trả nợ này, nên ông không có chứng cứ để cung cấp cho Tòa án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phạm Tiến Thảo do người đại diện theo ủy quyền là bà L trình bày: Nhất trí với quan điểm của bà V, yêu cầu bà B, ông L phải trả cho vợ chồng ông số tiền mua cám còn nợ là 105.970.000 đồng.

Với nội dung trên, tại bản án dân sự sơ thẩm số: 15/2022/DS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện B đã quyết định:

Căn cứ các Điều 430, 440, 357, 468 của Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đàm Thị Hồng V. Buộc vợ chồng bà Bùi Thị B và ông Nguyễn Văn L phải trả cho vợ chồng bà Đàm Thị Hồng V và ông Phạm Tiến Thảo số tiền mua hàng còn nợ là 105.970.000 đồng (Một trăm linh năm triệu chín trăm bảy mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bà Đàm Thị Hồng V có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu bà Bùi Thị B và ông Nguyễn Văn L không trả khoản tiền trên cho bà V ông Thảo thì bà B ông L phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đàm Thị Hồng V về việc yêu cầu trả lãi.

Ngoài ra quyết định còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 27 tháng 9 năm 2022, ông Nguyễn Văn L có đơn kháng cáo với nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông chỉ đồng ý trả nợ cho bà V số tiền 27.000.000 đồng.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc phát biểu và có quan điểm: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 15/2022/DS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng công khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

1. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn L trong hạn luật định; ông L đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

2. Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn L thấy: Bà V và ông L, bà B có mối quan hệ mua bán thức ăn chăn nuôi. Từ năm 2013 đến năm 2019; ông L, bà B nhiều lần mua thức ăn chăn nuôi của bà V, trong đó có lần thanh toán tiền luôn, có lần nợ lại. Các lần mua bán và thanh toán tiền, bà V có lập sổ theo dõi; ông Bính, bà Luyện ký vào sổ theo dõi của bà V mỗi lần mua hàng hoặc thanh toán tiền. Ngày 04/4/2019 hai bên chốt nợ, theo đó, ông L đã ký vào sổ chốt nợ xác nhận còn nợ bà V 105.970.000 đồng. Ông L thừa nhận chữ ký “Luyện” trong sổ nợ mà bà V xuất trình là đúng chữ ký của ông. Tuy nhiên ông cho rằng sau khi

chốt nợ khoảng 10 ngày, ông đã trả cho bà V một phần nợ và chỉ còn nợ lại 27.000.000 đồng, việc trả nợ này ông không lưu lại giấy tờ gì, cũng không có ai chứng kiến, ông không cung cấp được chứng cứ về việc trả nợ, vì vậy lời khai trên của ông là không có căn cứ.

Do đó cần xác định số tiền vợ chồng bà B và ông L còn nợ vợ chồng bà V, ông Thảo là 105.970.000 đồng (Một trăm linh năm triệu chín trăm bảy mươi nghìn đồng) theo sổ chốt nợ là đúng.

Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng pháp luật, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà B, ông L phải trả cho bà V, ông Thảo số tiền còn nợ là 105.970.000 đồng (Một trăm linh năm triệu chín trăm bảy mươi nghìn đồng) là có căn cứ, đúng pháp luật, kháng cáo của ông L không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông L, giữ nguyên bản án của Tòa án cấp sơ thẩm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

3. Đối với yêu cầu thanh toán lãi: Tại đơn khởi kiện bà V yêu cầu bà B ông L phải trả lãi đối với số tiền còn nợ, tuy nhiên ngày 06/9/2022, người đại diện theo ủy quyền của bà V có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu bà B ông L phải trả liền lãi. Xét thấy, yêu cầu trả gốc và lãi là một yêu cầu khởi kiện không thể tách rời nên khi đương sự tự nguyện rút yêu cầu trả lãi thì Tòa án không xem xét yêu cầu này của đương sự và nhận định trong bản án; việc Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện về yêu cầu trả lãi là không đúng, cần nghiêm túc rút kinh nghiệm. Tuy nhiên, xét thấy sai sót này của Tòa sơ thẩm không làm ảnh hưởng đến quyền của đương sự nên không cần hủy, sửa bản án; Tòa án cấp phúc thẩm điều chỉnh lại cách tuyên cho phù hợp với quy định của pháp luật.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của ông Nguyễn Văn L không được chấp nhận nên ông L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 15/2022/DS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện B.

Căn cứ các Điều 430, 440, 357, 468 của Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đàm Thị Hồng V. Buộc vợ chồng bà Bùi Thị B và ông Nguyễn Văn L phải trả cho vợ chồng bà Đàm Thị Hồng V và ông Phạm Tiến Thảo số tiền mua hàng còn nợ là 105.970.000 đồng (Một trăm linh năm triệu chín trăm bảy mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bà Đàm Thị Hồng V có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu bà Bùi Thị B và ông Nguyễn Văn L không trả khoản tiền trên cho bà V, ông Thảo thì bà B, ông L phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Vợ chồng bà Bùi Thị B và ông Nguyễn Văn L phải chịu 5.298.500 đồng (Năm triệu hai trăm chín mươi tám nghìn năm trăm đồng).

Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số: 0003951 ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- TAND huyện B;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thị Thu Hiền

